

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/LĐ-ST
Ngày: 27-9-2023
V/v tranh chấp về tiền bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Cao – Cán bộ hưu trí.
- Bà Nguyễn Anh Thư – Nguyên Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Bến Lức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 34/2023/TLST-LĐ ngày 16/6/2023 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-LĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông [Trần Lưu Quốc V](#), sinh năm 1982 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: [G N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh](#).

- Bị đơn: [Công ty Cổ phần L](#).

Địa chỉ: [Lô D, Đường D, Khu Công nghiệp P, xã A, huyện B, tỉnh Long An](#).

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Lê T](#) – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà [Nguyễn Lưu Phương M](#) – Nhân viên công ty (vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: [Lô D, Đường D, Khu Công nghiệp P, xã A, huyện B, tỉnh Long An](#).

(văn bản ủy quyền ngày 03/7/2023)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội [huyện B](#).

Người đại diện theo pháp luật: Bà [Lê Thị Huỳnh H](#) – Giám đốc (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: [Số B N, khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông [Trần Lưu Quốc V](#) trình bày:

Ngày 01/01/2019, giữa ông [Trần Lưu Quốc V](#) và [Công ty Cổ phần L](#) ký kết Hợp đồng lao động số 0315/2019/HĐLĐ, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Theo hợp đồng lao động này, ông [V](#) đi làm việc ở công ty từ ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, [Công ty Cổ phần L](#) đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng về quy định pháp luật về lao động. Do công ty không trả lương, nên ông [V](#) đã nghỉ việc ở công ty từ tháng 31/12/2021 đến nay.

Ngồi ra, [Công ty Cổ phần L](#) không đóng bảo hiểm cho ông [V](#) từ tháng 05/2021 đến tháng 12/2021. Theo văn bản xác nhận của [Bảo hiểm xã hội huyện B](#) thì [Công ty Cổ phần L](#) còn nợ số tiền bảo hiểm là 40.000.000 đồng, tiền lãi chậm đóng là 6.309.050 đồng. Tổng cộng là 46.309.050 đồng. Do đó, ông [V](#) khởi kiện yêu cầu:

Buộc [Công ty Cổ phần L](#) phải đóng tiền bảo hiểm cho ông [Trần Lưu Quốc V](#) với số tiền là 46.309.050 đồng từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021 và chốt sổ bảo hiểm cho ông.

Bị đơn là [Công ty Cổ phần L](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng đại diện [Công ty Cổ phần L](#) đều vắng mặt không có lý do. [Công ty Cổ phần L](#) cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông [V](#). Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [Bảo hiểm xã hội huyện B](#) chỉ kiến trình bày trong hồ sơ như sau:

Bảo hiểm xã hội [huyện B](#) đã cung cấp số liệu Bảo hiểm xã hội của [Công ty Cổ phần L](#) và cung cấp thông tin tạm tính số phải đóng xác nhận chốt sổ Bảo hiểm xã hội của đơn vị nợ đến thời điểm hiện tại. Bảo hiểm xã hội không có yêu cầu khởi kiện gì trong vụ án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị

Tiến giải quyết theo quy định pháp luật, [Bảo hiểm xã hội huyện B](#) thực hiện theo bản, quyết định của Tiến. [Bảo hiểm xã hội huyện B](#) đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tiến giải quyết vụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, theo quy định khoản 1 Điều 186 Bộ luật Lao động Điều 2 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; hàng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm trích tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Việc [Công ty L](#) không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021 cho ông [V](#) là trái quy định của pháp luật nên cần phải buộc Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội với số tiền gốc theo bảng tạm tính ngày 17/7/2023 của Bảo hiểm [xã hội huyện B](#) là 40.000.000 đồng. Do [Công ty L](#) chậm đóng bảo hiểm, nên phải chịu lãi chậm đóng theo quy định của Bảo hiểm [xã hội huyện B](#), cụ thể theo bảng tạm tính đến tháng 7/2023 thì số lãi chậm đóng mà Công ty phải chịu là 6.309.050 đồng. Như vậy, [Công ty L](#) phải thực hiện đóng tiền bảo hiểm còn nợ cho ông [V](#) là 46.309.050 đồng.

Đối với yêu cầu chốt sổ bảo hiểm của ông [V](#): Theo quy định khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 thì sau khi trả khoản tiền nợ Bảo hiểm xã hội và tiền lãi phát sinh xong, [Công ty L](#) phải tiến hành liên hệ với [cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện B](#) để tiến hành chốt và trả sổ Bảo hiểm xã hội cho ông [V](#). Từ đó, yêu cầu chốt sổ bảo hiểm của ông [V](#) là có căn cứ chấp nhận. Từ những nhận định trên, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn tranh chấp tiền bảo hiểm, bị đơn có trụ sở chính tại [xã A, huyện B, tỉnh Long An](#). Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về tiền bảo hiểm”. Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xác định tư cách đương sự: Theo đơn khởi kiện, ông [Trần Lưu Quốc V](#) khởi kiện tranh chấp tiền bảo hiểm nên được xác định là nguyên đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xác định [Công ty Cổ phần L](#) là bị đơn. Bảo hiểm xã hội [huyện B](#) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông [Trần Lưu Quốc V](#), Bảo hiểm xã hội [huyện B](#) vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Bị đơn [Công ty Cổ phần L](#) đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng

mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông [Trần Lưu Quốc V](#), thấy rằng:

[4.1] Theo hồ sơ thể hiện, ngày 01/01/2019, giữa ông [Trần Lưu Quốc V](#) và [Công ty Cổ phần L](#) có ký Hợp đồng lao động số 0315/2019/HĐLĐ, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Theo hợp đồng lao động này, ông [V](#) đã làm việc ở công ty từ ngày 01/01/2019. Tại Điều 3 Hợp đồng lao động có thỏa thuận “*về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo quy định của luật lao động*”. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng lao động và thỏa thuận về mức đóng bảo hiểm theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

[4.2] Ông [V](#) trình bày, trong quá trình thực hiện hợp đồng, [Công ty Cổ phần L](#) đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng và quy định pháp luật về lao động nên ông [V](#) đã nghỉ việc ở công ty từ tháng 31/12/2021 đến nay. Cụ thể, [Công ty Cổ phần L](#) không đóng bảo hiểm cho ông [V](#) từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021. Do đó, ông [V](#) khởi kiện yêu cầu: Buộc [Công ty Cổ phần L](#) phải đóng tiền bảo hiểm cho ông [Trần Lưu Quốc V](#) với số tiền là 46.309.050 đồng từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021 và chốt sổ bảo hiểm cho ông [V](#).

[4.2] Xét thấy, [Công ty Cổ phần L](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng [Công ty Cổ phần L](#) đều vắng mặt không có lý do. [Công ty Cổ phần L](#) cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông [V](#). Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét lời trình bày của bị đơn.

[4.3] Để xác định về việc tham gia bảo hiểm cho ông [V](#) và số tiền nợ bảo hiểm xã hội, ngày 12/7/2023, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã ban hành Công văn số 466/2023/CV-TA về việc cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ gửi Bảo hiểm xã hội [huyện B](#). Tại Công văn số 277/CV-BHXXH ngày 18/7/2023 của [Bảo hiểm xã hội huyện B](#) phúc đáp theo yêu cầu của Tòa án và tài liệu kèm theo đã xác định từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021 thì [Bảo hiểm xã hội huyện B](#) xác định ông [V](#) có tham gia bảo hiểm theo Sổ sổ bảo hiểm là 0207430631 tại đơn vị [Công ty Cổ phần L](#) gồm các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. Hiện [Công ty Cổ phần L](#) còn nợ Bảo hiểm xã hội [huyện B](#) tổng số tiền chậm đóng và tiền lãi chậm đóng cho ông [V](#) đến tháng 7/2023 là 46.309.050 đồng. Như vậy, cơ sở xác định ông [V](#) đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty từ tháng 12/2021 nhưng phía công ty không nộp bảo hiểm cho ông [V](#) từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021 vì vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 về nghĩa vụ của người sử dụng lao động. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc [Công ty Cổ phần L](#) phải thanh toán cho Bảo hiểm xã hội [huyện B](#) tổng số tiền chậm đóng và tiền lãi chậm đóng cho ông [V](#) đến tháng 7/2023 là 46.309.050 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4.4] Về chốt sổ bảo hiểm xã hội: Theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019 đã nêu rõ trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động là “*hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động*”. Đồng thời, khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định người sử dụng lao động phải phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, [Công ty Cổ phần L](#) có nghĩa vụ hoàn thành các thủ tục để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động, yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: [Công ty Cổ phần L](#) phải chịu 300.000 đồng án phí không giá ngạch về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm còn nợ để chốt sổ bảo hiểm theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông [Trần Lưu Quốc V](#) không phải chịu án phí. Do ông [V](#) được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông [V](#).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 244, 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 168, 188 Bộ luật Lao động 2019; Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, 89, 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 12, 14, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông [Trần Lưu Quốc V](#) đối với bị đơn [Công ty Cổ phần L](#) về tranh chấp tiền bảo hiểm.

Buộc [Công ty Cổ phần L](#) có nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm còn nợ (từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021) và tiền lãi chậm đóng đến tháng 7/2023 cho ông [Trần Lưu Quốc V](#) theo Sổ sổ bảo hiểm là 0207430631 với số tiền là 46.309.050 đồng (bốn mươi sáu triệu ba trăm lẻ chín nghìn không trăm năm mươi đồng) theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

[Công ty Cổ phần L](#) còn phải chịu tiền lãi trên số tiền bảo hiểm chậm đóng theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

Sau khi khi định tồn bộ số tiền bảo hiểm xã hội, [Công ty Cổ phần L](#) có nghĩa vụ hoàn tất thủ tục để chốt sổ bảo hiểm cho ông [Trần Lưu Quốc V](#).

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Ông Trần Lưu Quốc V không phải chịu án phí. Do ông V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông V.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Bến Lức;
-CCTHADS huyện Bến Lức;
-Các đương sự;
-Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Lâm

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Bến Lức;
-CCTHADS huyện Bến Lức;
-Các đương sự;
-Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Miên

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư – Đào Bá Lộc

Hồ Thị Miên

